TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HS-ST.
Ngày: 09-9-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 151/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/HSST-QĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Phạm Phi H (tên gọi khác: Tí sao); sinh năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp F, xã L, tỉnh Đồng Nai (Ấp F, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước cũ).

CCCD: 070089005636. Nơi cấp: Cục V1 (CMND: 285230216 cấp ngày 28/3/2019. Nơi cấp: Công an tỉnh B).

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh C, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1960; Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 03 chị em và chưa có vợ con.

- Tiền án:

+ Ngày 17/3/2015 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 64/2015/HS-ST ngày 17/3/2015.

+ Ngày 22/02/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 22/2017/HS-ST ngày 22/02/2017. Bị cáo chấp hành xong ngày 28/02/2019.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 15/10/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 06 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 113/2021/HS-ST ngày 15/10/2021.

Bị cáo hiện đang thi hành Bản án số 113/2021/HS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Trại giam X thuộc Bộ C1 (có mặt).

- Bị hại: Chị Đào Thị Diễm M, sinh năm 1997.

HKTT: Tổ 2, ấp C, xã G, tỉnh An Giang (Tổ B, ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cũ).

Địa chỉ: Ấp M, xã B, tỉnh An Giang (Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cũ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ ngày 12/11/2020 đến ngày 15/11/2020 Đào Thị Diễm M vay tiền của Tô Thành N 03 lần, tổng cộng 7.000.000 đồng. Ngày 15/11/2020 M gặp N, nhờ N xin việc làm cho M để kiếm tiền trả nợ cho N, thì N đồng ý. N xin cho M vào làm nhân viên tại quán karaoke "Thanh Trâm Phát", ở phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tối ngày 15/11/2020 M làm việc tại quán karaoke "Thanh Trâm P", đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì N đến đón M và chở M đến nhà nghỉ "Phước Tài L" thuộc phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để nghỉ, còn N về phòng trọ của N.

Khoảng 10 giờ ngày 16/11/2020 N đến nhà nghỉ đón M đi làm thì được biết khoảng 05 giờ cùng ngày M đã trả phòng. N gọi điện thoại cho M nhưng không liên lạc được, N liên lạc với Trần Phạm Phi H hỏi về thông tin của M nhưng H không biết. Do N có biết Võ Thị Bé N1 có mối quan hệ với M nên nhờ N1 chỉ chỗ M ở để đòi nợ, N1 đồng ý. N nghe N1 nói M có khả năng đang ở thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên N rủ Trần Phạm Phi H, Võ Thị Bé N1, Nguyễn Quang V và Lê Hữu H2 (là bạn của N) đi đến thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, để tìm M đòi tiền thì tất cả đồng ý.

Lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe ô tô hiệu Ford, loại 16 chỗ, biển số 60B-04406 (H thuê xe dịch vụ) chở tất cả đi tìm M. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày khi đến trạm dừng chân "Thanh Long 3" thuộc xã P, huyện L, tỉnh

Đồng Nai thì tất cả dừng lại ăn cơm. Lúc này H, V và H2 đi vệ sinh, thì H phát hiện M đang đứng rửa mặt tại nhà vệ sinh nữ nên Hải báo cho N biết. N chạy đến chỗ M dùng tay tát liên tiếp 03 cái vào mặt và đầu của M và ép buộc M lên xe để quay lại quán karaoke "Thanh Trâm P" giải quyết việc M mượn tiền không trả, do sợ hãi nên M lên xe ô tô theo yêu cầu của N, V và H2 cũng lên xe ngồi sau, H điều khiển xe ô tô nêu trên để đi về quán "Thanh Trâm P" . Trong lúc N đánh M thì V và H2 có can ngăn việc N đánh M, còn N1 đón xe khách đi về Vũng Tàu. Khi M lên xe ô tô Nam thấy M đang cầm điện thoại di động hiệu S 8, màu đen trên tay phải thì N giật lấy điện thoại của M đưa cho H2 cầm. Lúc này M xin lại điện thoại và xin N cho về quê đi làm trong 01 tháng trả hết số tiền đã mượn nhưng N không đồng ý, N mắng chửi và dùng tay không tát M và lấy điện thoại của M ném xuống sàn xe làm điện thoại của M bị bể hư hỏng.

Khi tất cả đi về đến quán karaoke "Thanh Trâm P", V và H2 ở ngoài xe ô tô còn N và H dẫn M vào trong. N yêu cầu quản lý quán là Nguyễn Thị Đinh B, giữ lại toàn bộ số tiền mà M làm được và bắt M ở quán karaoke làm việc, nhưng B không đồng ý và nói "việc M ở lại làm việc hay không là do M tự quyết định", còn tiền đi làm của M thì B giữ lại 80% đưa cho N.

Ngoài ra do sợ M tiếp tục bỏ trốn không trả nợ nên N bắt M phải viết giấy nợ N số tiền là 30.000.000 đồng, nhưng M không đồng ý viết nên N đã tự viết giấy nợ với nội dung M nợ N số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu M ký tên, còn H ký tên là người chứng kiến. Sau đó N, H, V và H2 ra về, khi đến đoạn cầu H thuộc thành phố B thì ném vứt bỏ điện thoại của M xuống sông Đ và khi về đến nhà thì N đốt bỏ giấy vay tiền vì N cho rằng giấy ghi nợ không có giá trị và mục đích chỉ hù dọa để M sợ không bỏ trốn chứ không nhằm chiếm đoạt số tiền đã ghi như giấy nợ. Sau khi phạm tội H bỏ trốn và bị truy nã, qua xác minh xác định H đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam X thuộc Bộ C1 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định đình nã để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 21/K-.ĐGTS ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện L kết luận: 01 (một) Điện thoại di động hiệu S 8, màu đen (mua năm 2020) tại thời điểm ngày 16/11/2020 trị giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về xử lý vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu SamSung Note 8, màu đen của chị Đào Thị Diễm M sau khi gây án N đã đập bể hư hỏng và vứt bỏ nên không thu hồi được.

Đối với xe ô tô biển số 60B-04406 Nam thuê lại để chở khách, xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không thu giữ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ bị cáo Trần Phạm Phi H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên phù hợp với biên bản phạm tội quả tang cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 154/CT-VKS-LT ngày 20/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Phạm Phi H về tội "Bắt người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố, hành vi giúp sức của bị cáo H để N dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đưa chị M về địa điểm trái với mong muốn của chị M. Bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, trong quá trình điều tra lại bỏ trốn và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khác và đã được xét xử bằng bản án khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phạm Phi H mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật".

Đối với Tô Thành N và về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại Bản án số 184/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt đang chấp hành tại Bản án số 113/2021/HS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 06 năm 08 tháng đến 06 năm 10 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Phạm Phi H khai nhận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/11/2021 tại trạm dừng chân "Thanh Long 3" thuộc xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai Tô Thành N là người chủ mưu trực tiếp thực hiện hành vi cùng với sự giúp sức của tích cực của Trần Phạm Phi H có hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực buộc chị M lên xe ô tô biển số 60B – 04406 để chở đến địa điểm do N yêu cầu trái pháp luật. Đồng thời N có hành vi có ý hủy hoại tài sản của chị M.

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai Tô Thành N và các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Phạm Phi H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự, an ninh xã hội.

Khi được N rủ rê bị cáo đã giúp sức cho N thực hiện hành vi phạm tội.

Sau khi gây án bị cáo H lại bỏ trốn phải truy nã một thời gian gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình bỏ trốn bị cáo H lại thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đã xét xử hiện đang chấp hành án tại Trại giam X thuộc Bộ C1 theo Bản án số 113/2021/HS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do đó, cần tổng hợp với hình phạt đang chấp hành của bản án này.

Đối với hành vi của Tô Thành N đã được giải quyết xong tại Bản án số 184/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[3] Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 màu đen của chị M bị N đập bể không thu hồi được.

- 01 xe mô tô biển số 60B-04406 do N thuê lại chở khách nên không liên quan đến vụ án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại Bản án số 184/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về vấn đề khác: Quá trình tiến hành tố tụng, đã có quyết định đình nã từ ngày 09/9/2023, tuy nhiên, đến ngày 27/02/2025 mới có quyết định phục hồi vụ án

là chưa đảm bảo thời gian theo quy định, cơ quan cảnh sát điều tra cần lưu ý nội dung này.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Trần Phạm Phi H** (tên gọi khác: Tí sao) phạm tội ***"Bắt người trái pháp luật"***.

Xử phạt bị cáo **Trần Phạm Phi H 08 (tám) tháng tù.**

Tổng hợp hình phạt 06 năm tù đang chấp hành của Bản án số 113/2021/HS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; buộc bị cáo Trần Phạm Phi H chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **06 (sáu) năm 08 (tám) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành Bản án số 113/2021/HS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 17/02/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Phạm Phi H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (4);
- Bị cáo (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (2).

Nguyễn Ngọc An